

Bản án số: **26/2018/DS-PT**

Ngày: 26 - 01 - 2018

“V/v: Tranh chấp quyền sử dụng đất
và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga.

Các Thẩm phán: 1/- Ông Nguyễn Khánh Hùng.
2/- Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Thanh Lâm - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng: Ông Trần Văn Nghiệp
- Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 26 tháng 01 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 189/2017/TLPT-DS ngày 04 tháng 12 năm 2017, về việc: “*Tranh chấp quyền sử dụng đất và hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*”.

Do bản án dân sự sơ thẩm số 56/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 302/2017/QĐ-PT ngày 20 tháng 12 năm 2017, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Nguyễn Thị H**, sinh năm 19**; Địa chỉ cư trú: Số **, ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Nguyễn Vũ L**, sinh năm 19**; địa chỉ cư trú tại số **/**, đường L, phường X, thành phố S, tỉnh S; là người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn (Văn bản ủy quyền ngày 27 tháng 9 năm 2017). (có mặt).

- Bị đơn: Ông **Lâm Thành Đ**, sinh năm 1942; Địa chỉ cư trú: Số **, ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S. (vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bị đơn: Ông **Lâm Văn K**, sinh năm 19**; cư trú tại ấp Y, xã T, huyện K, tỉnh S; là người đại diện theo ủy quyền của bị đơn (Văn bản ủy quyền ngày 28 tháng 7 năm 2016). (vắng mặt).

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà **Ong Thị T**;

2. Ông **Lâm Hoàng A**;

3. Bà Tải Ngọc L;

Cùng địa chỉ cư trú: Số 62, ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S. (đều vắng mặt)

4. Ông Lâm Hoàng G;

5. Bà Nguyễn Thị Đ1 (B);

Cùng địa chỉ cư trú: Ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S. (đều vắng mặt)

Người đại diện hợp pháp của bà Ong Thị Thảo, ông Lâm Hoàng A, ông Lâm Hoàng G, bà Tải Ngọc L và bà Nguyễn Thị Đ1: Ông Lâm Văn K; cư trú tại ấp Y, xã T, huyện K, tỉnh S; là người đại diện theo ủy quyền của bà Ong Thị T, ông Lâm Hoàng A, ông Lâm Hoàng G, bà Tải Ngọc L và bà Nguyễn Thị Đ1 (Văn bản ủy quyền ngày 10 tháng 7 năm 2017). (vắng mặt)

6. Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S; Địa chỉ trụ sở: Ấp C, thị trấn H, huyện M, tỉnh S.

Người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M: Ông Trần Văn Việt; chức vụ: Chủ tịch; là người đại diện theo pháp luật của Ủy ban nhân dân huyện M. (đề nghị xét xử vắng mặt)

3. Người kháng cáo: Bà Nguyễn Thị H (nguyên đơn)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, nội dung vụ kiện được tóm tắt như sau:

1/- Nguyên đơn bà Nguyễn Thị H và người đại diện hợp pháp của nguyên đơn là bà Nguyễn Vũ L trình bày:

Bà H có phần đất diện tích 6.500 m², tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S. Năm 1976, ông Đ tự chiếm để cất nhà và canh tác trên toàn bộ diện tích nói trên. Lúc đó, bà H đã nhiều lần ngăn cản, nhưng ông Đ vẫn không trả. Vào năm 1990, ông Đ trả cho bà H được 1.500m². Bà H đã liên tục khiếu nại, yêu cầu ông Đ trả lại phần diện tích đất còn lại, nhưng ông Đ vẫn chưa trả. Khi việc tranh chấp chưa được giải quyết xong thì ông Đ đã kê khai không trung thực, để được Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 634342 vào ngày 17 tháng 9 năm 1998, cụ thể thửa 452, diện tích 900 m² và thửa 461, diện tích 4.880m², đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S.

Đến ngày 08 tháng 6 năm 2000, Thanh tra huyện M ra Quyết định số 47/QĐ.TTr và ngày 19 tháng 6 năm 2001, Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 59/QĐ.GQKN.01 có nội dung: Ông Lâm Thành Đ phải trả diện tích đất trên cho bà H bằng tiền theo thời giá là 360đ/m², nhưng bà H không đồng ý. Ngày 17 tháng 11 năm 2009, Ủy ban nhân dân tỉnh S ban hành Quyết định số 99/QĐKN-CTUBND với nội dung là thu hồi Quyết định số 59/QĐ.GQKN.01. Đến ngày 18 tháng 01 năm 2010, Ủy ban nhân dân xã M, huyện M tiến hành hòa giải nhưng không thành.

Quá trình giải quyết tranh chấp, các cơ quan quản lý đất đai đã tìm hiểu, xác minh nhiều nhân chứng là cán bộ xã làm việc xác nhận phần đất của bà H

không thuộc diện Nhà nước quản lý hoặc thực hiện chính sách về đất đai.

Theo đơn khởi kiện, bà H yêu cầu ông Đ trả lại diện tích đất 900m², thửa số 452 và diện tích đất 4.880m², thửa số 461, đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S. Đồng thời, bà H yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cấp cho ông Đ đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên.

Tại phiên tòa sơ thẩm, bà thay mặt bà H xin thay đổi yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Đ trả cho bà H giá trị quyền sử dụng đất thửa số 452, diện tích thực tế là 580,8m², tương đương với số tiền là 60.636.000 đồng; trả cho bà H thửa đất số 461, diện tích thực tế là 4.632,7m²; đồng thời yêu cầu Tòa án hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 634342 cấp cho ông Đ đối với các thửa đất tranh chấp nêu trên.

2/- Bị đơn ông Lâm Thành Đ, người đại diện hợp pháp của bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ong Thị T, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Tả Ngọc L, ông Lâm Hoàng G, ông Lâm Hoàng A là ông Lâm Văn K trình bày:

Ông Đ, bà T, bà Đ1, bà L, ông G và ông A không đồng ý với các yêu cầu khởi kiện của bà H. Bởi vì:

Đối với thửa đất số 461 có nguồn gốc là của bà H nhưng bà đã bỏ hoang, việc này thì do chính quyền địa phương nói nên gia đình ông mới biết. Đến năm 1976, chính quyền địa phương cấp cho ông Đ, ông Đ vào khai phá tới 02 năm sau mới làm ruộng được, làm được 02 vụ nhưng không trúng mùa nên ông Đ mới trồng lá dứa nước, trà và một số cây tạp tự mọc cho đến nay. Khi khai phá đất xong, ông Đ không đi đăng ký quyền sử dụng đất. Đến năm 1992, bà H đòi lại phần đất này, yêu cầu xã hòa giải. Chính quyền địa phương xã hòa giải, yêu cầu ông Đ trả 10 gia lúa và 1.500m² đất đã khai phá cho bà H, nhưng bà H không đồng ý, bà H chỉ đồng ý nhận 1.500m² chứ không nhận 10 gia lúa. Sau đó, ông Đ cũng đồng ý giao trả lại cho bà H 1.500m² đất, bà H và ông Đ đồng ý nên hai bên đã ký tên thỏa thuận xong. Ông Đ chỉ còn lại 5.000m² đất. Do bị bà H lấn chiếm dần nên đến năm 1998, ông Đ mới đăng ký quyền sử dụng đất và được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 634342, diện tích chỉ còn 4.880m². Đến năm 2000, bà H tiếp tục khiếu nại đòi lại hết phần đất còn lại của ông Đ. Vụ việc được cấp có thẩm quyền giải quyết, Ủy ban nhân dân tỉnh S ra Quyết định 59/QĐ.GQKN.01 ngày 19 tháng 6 năm 2001, không chấp nhận yêu cầu của bà H, ông Đ được tiếp tục sử dụng phần đất diện tích 5.000m² mà ông Đ đã khai phá, yêu cầu ông Đ phải trả hoa lợi cho bà H với giá 360 đồng/m². Đến năm 2003, gia đình ông Đ đã đóng đủ tiền tổng cộng là 1.800.000 đồng, đóng cho ông Ngô Thành K1, Cán bộ tư pháp xã M, còn bà H có nhận tiền hay không thì gia đình ông Đ không biết, nhưng cũng không thấy bà H khiếu nại gì. Đến khi ông Đ nhận được thông báo thụ lý vụ án của Tòa án thì mới biết bà H tiếp tục khởi kiện.

Đối với thửa đất số 452, hiện nay ông Đ cất nhà ở. Phần đất này vào năm 1976, ông Đ được Nhà nước cấp, lúc được cấp là lung bầu. Sau khi được cấp, ông Đ mới đào đất đắp thành nền nhà và cất nhà ở cho đến nay. Phần đất này ông Đ

cũng được Ủy ban nhân dân huyện M cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 634342, với diện tích là 900m². Hiện nay, trên thửa đất này, ngoài ông Đ và vợ là bà Ong Thị T đang quản lý, sử dụng thì còn có vợ chồng con trai là Lâm Hoàng A - Tài Ngọc L ở cùng nhà và vợ chồng Lâm Hoàng G - Nguyễn Thị Đ1 đã cất nhà ở một phần.

3/- Đối với người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S:

Sau khi bà H có yêu cầu khởi kiện bổ sung hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M cấp cho ông Lâm Thành Đ vào ngày 17 tháng 9 năm 1998, đối với các thửa đất đang tranh chấp số 452, 461, tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án (bổ sung) cho Ủy ban nhân dân huyện M biết nhưng Ủy ban nhân dân huyện M không có ý kiến gì đối với yêu cầu khởi kiện này của bà H. Tòa án cũng đã triệu tập hợp lệ người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M hai lần để tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhưng người đại diện hợp pháp đều có đơn xin vắng mặt. Vì vậy, Tòa án đã lập biên bản về việc không tiến hành hòa giải được và mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, sau đó đã thông báo cho Ủy ban nhân dân huyện M biết kết quả phiên họp. Đồng thời, Tòa án cũng ra quyết định đưa vụ án ra xét xử. Tại phiên tòa sơ thẩm, người đại diện hợp pháp của Ủy ban nhân dân huyện M cũng đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

* Sự việc được Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng thụ lý, giải quyết. Tại bản án sơ thẩm số: 56/2017/DS-ST ngày 20 tháng 10 năm 2017, đã quyết định căn cứ vào khoản 9 Điều 26, Điều 34, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm c khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 157, khoản 1 Điều 165, điểm b khoản 2 Điều 227, Điều 228 và khoản 1 Điều 244 Bộ luật Tố tụng dân sự; khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993; khoản 5 Điều 26 và khoản 1 Điều 203 Luật Đất đai năm 2013; Điều 48 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và khoản 1 Điều 11, khoản 3 Điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án năm 2009.

Tuyên xử:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, về việc:

1. Yêu cầu ông Lâm Thành Đ trả lại giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 452, diện tích thực tế 580,8m², tương đương với số tiền là 60.636.000 đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) và trả lại thửa đất số 461, diện tích thực tế 4.632,7m²; đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S, do ông Lâm Thành Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B 634342, Ủy ban nhân dân huyện M cấp ngày 17 tháng 9 năm 1998.

2. Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 634342, do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S cấp cho ông Lâm Thành Đ vào ngày 17 tháng 9 năm 1998, phần liên quan đến hai thửa đất số 452 và thửa đất số 461, đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về án phí, chi phí tố tụng khác và thông báo quyền kháng cáo của các đương sự theo luật định.

* Ngày 02/11/2017, nguyên đơn bà Nguyễn Thị H có đơn kháng cáo yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc ông Lâm Thành Đ và những người có liên quan phải trả cho bà H thửa đất số 461, diện tích 4.632,7m² tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S; trả cho bà H giá trị quyền sử dụng đất đối với thửa số 452, diện tích 580,8m², tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S, số tiền là 60.636.000 đồng; hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S đã cấp cho ông Lâm Thành Đ tại thửa số 461 nêu trên.

* Tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn không rút đơn khởi kiện và giữ nguyên nội dung đơn kháng cáo. Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Kiểm sát viên phát biểu ý kiến của Viện kiểm sát về tính có căn cứ và hợp pháp của kháng cáo, về việc tuân thủ và chấp hành pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng và tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án ở giai đoạn phúc thẩm và tại phiên tòa phúc thẩm; đồng thời, phát biểu quan điểm về nội dung kháng cáo, đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra các chứng cứ tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh luận, ý kiến phát biểu và đề nghị của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[I] Về thủ tục tố tụng:

Người kháng cáo, nội dung và hình thức đơn kháng cáo, thời hạn kháng cáo của nguyên đơn là đúng theo quy định tại Điều 271, Điều 272 và Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự, nên kháng cáo hợp lệ và đúng theo luật định.

Tại phiên tòa phúc thẩm, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S vắng mặt nhưng đã có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 2 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự để xét xử vắng mặt Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S. Người đại hợp pháp của bị đơn đồng thời là người đại diện hợp pháp của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Ong Thị T, bà Nguyễn Thị Đ1, bà Tải Ngọc L, ông Lâm Hoàng G, ông Lâm Hoàng A là ông Lâm Văn K đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt nên Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án.

[II] Về nội dung:

[1] Phần đất tranh chấp theo yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H thuộc hai thửa đất số 452, diện tích thực tế 580,8m² và thửa số 461, diện tích thực tế 4.632,7m², đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc tại ấp P, xã M, huyện

M, tỉnh S. Bà Nguyễn Thị H cho rằng cả hai thửa đất này là đất gốc của bà nhưng gia đình ông Lâm Thành Đ đã tự bao chiếm sử dụng từ năm 1976 cho đến nay, không thuộc trường hợp thực hiện chính sách trang trải đất đai. Khi ông Đ cất nhà ở và canh tác trên các phần đất này thì bà H đã ngăn cản và khiếu nại liên tục nhiều lần nhưng bà không đồng ý với kết quả giải quyết khiếu nại. Nay bà H yêu cầu Tòa án giải quyết buộc gia đình ông Đ trả lại giá trị quyền sử dụng đất tại thửa số 452 là 60.636.000 đồng; trả lại thửa đất số 461 có diện tích 4.632,7m² và hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S đã cấp cho ông Lâm Thành Đ đối với thửa đất số 461 nêu trên vào ngày 17/9/1998.

[2] Xét về nguồn gốc đất tranh chấp: Trong quá trình giải quyết vụ án, tại phiên tòa sơ thẩm, phúc thẩm thì các đương sự và người đại diện theo ủy quyền của đương sự đều thừa nhận thửa đất số 452 và 461 là một phần trong diện tích đất do bà H sử dụng từ năm 1947. Điều này cũng được Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S xác định tại công văn số 535/UBND-HC ngày 22/8/2017. Do đó, có cơ sở xác định đất tranh chấp có nguồn gốc là đất của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

[3] Theo đơn kháng cáo của bà H và tại phiên tòa phúc thẩm, người đại diện theo ủy quyền của bà H cho rằng việc sử dụng đất của ông Đ không thuộc trường hợp thực hiện chính sách trang trải đất đai mà là do ông Đ tự chiếm để sử dụng. Phía nguyên đơn đưa ra các chứng cứ là: Tờ trình của ông Trần Hoàng M đề ngày 26/2/2011; Biên bản xác minh đối với ông Trần Văn B vào ngày 14/3/2012; Biên bản xác minh đối với ông Tăng Văn T vào ngày 10/11/2011; Tờ trình của ông Lê Thanh S vào ngày 25/3/2011; hồ sơ giải quyết khiếu nại của UBND xã M và Thanh tra Nhà nước huyện M, tỉnh S để chứng minh đất gốc của bà H tại hai thửa đất số 452 và 461 không Đ trang trải theo diện “nhường cơm sẻ áo” cho ông Đ.

[4] Tuy nhiên, tại Khoản 5 Điều 26 Luật Đất đai năm 2013 quy định: “*Nhà nước không thừa nhận việc đòi lại đất đã được giao theo quy định của Nhà nước cho người khác sử dụng trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước Việt Nam dân chủ cộng hòa, Chính phủ Cách mạng lâm thời Cộng hòa miền Nam Việt Nam và Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*”. Như vậy, việc thực hiện chính sách đất đai qua các thời kỳ không chỉ bao gồm trang trải đất đai theo diện “nhường cơm sẻ áo” như phía nguyên đơn trình bày. Qua xem xét diễn biến quá trình sử dụng đất, bị đơn ông Lâm Thành Đ cùng gia đình đã khai phá, cất nhà ở và canh tác trên hai phần đất này từ năm 1976 cho đến nay. Tại công văn số 535/UBND-HC ngày 22/8/2017, Ủy ban nhân dân huyện M xác định “*do chiến tranh nên gia đình bà H canh tác không liên tục, thường bỏ hoang. Sau năm 1975, khu vực này còn hoang hóa do đất còn ngập mặn, đất lung nên sản xuất không hiệu quả. Tổ Đảng ấp Phước Lợi phát động khai phá đất hoang, ông Lâm Thành Đ khai phá trong phần đất của bà Nguyễn Thị H đã có trồng lá một phần, làm ruộng một phần. Khi thực hiện về chính sách trang trải đất đai, địa phương vẫn ổn định phần đất nêu trên cho ông Lâm Thành Đ canh tác (không giấy tờ)*”. Đồng thời, tại các quyết định giải quyết khiếu nại của Thanh tra nhà nước huyện M và Ủy ban nhân dân tỉnh S đều xác định vào năm 1983 phần đất tranh chấp đưa vào Tập đoàn sản xuất vẫn được ổn định cho ông Đ. Đồng thời ngày 23/5/2003 ông Đ đã nộp 1.800.000đ cho Ủy ban nhân dân xã M để trả hoa

lợi theo Quyết định số 73 cho bà Nguyễn Thị H do ông Ngô Thành K1 (cán bộ Tư pháp xã M làm biên nhận) (bút lục 191).

Như vậy, có cơ sở để xác định đất gốc của bà Nguyễn Thị H tại thửa số 452 và 461 đã được giao cho hộ ông Lâm Thành Đ trong quá trình thực hiện chính sách đất đai của Nhà nước. Việc bà H cho rằng ông Đ đã tự chiếm đất để cất nhà và canh tác là không đúng với thực tế. Do đó, yêu cầu của bà H về việc buộc ông Đ trả lại giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 452, diện tích thực tế 580,8m², tương đương với số tiền là 60.636.000 đồng và trả lại thửa đất số 461, diện tích thực tế 4.632,7m², cùng tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S là không có căn cứ chấp nhận.

[5] Đối với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh S đã cấp cho ông Lâm Thành Đ đối với thửa đất số 461 nêu trên vào ngày 17/9/1998, như đã phân tích tại mục [4], ông Đ sử dụng phần đất này từ năm 1976, Ủy ban nhân dân huyện M cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho ông Đ là phù hợp với quy định của Luật Đất đai theo khoản 1 Điều 2 Luật Đất đai năm 1993 nên cấp sơ thẩm không chấp nhận yêu cầu này của nguyên đơn là có căn cứ. Kháng cáo yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất nêu trên của nguyên đơn là không có căn cứ chấp nhận.

[6] Từ những phân tích và nhận định nêu trên, nhận thấy kháng cáo của nguyên đơn là không có căn cứ, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận.

[7] Kiểm sát viên đề nghị không chấp nhận kháng cáo của bị đơn và áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 giữ nguyên bản án sơ thẩm là có căn cứ, nên được chấp nhận.

[8] Do kháng cáo không Đ chấp nhận và bản án sơ thẩm được giữ nguyên nên người kháng cáo phải chịu án phí phúc thẩm 300.000 đồng theo quy định tại khoản 1 Điều 148 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015. Tuy nhiên, bà Nguyễn Thị H là thân nhân của liệt sỹ, người cao tuổi và bà H đơn có yêu cầu nên bà được miễn nộp toàn bộ án phí phúc thẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308, khoản 1 Điều 148 và khoản 6 Điều 313 Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 12 và khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/- Không chấp nhận kháng cáo của nguyên đơn bà Nguyễn Thị H.

2/- Giữ nguyên bản án sơ thẩm số 56/2017/DS-ST, ngày 20 tháng 10 năm 2017 của Tòa án nhân dân huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng, như sau:

Bác yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị H, về việc:

2.1/ Yêu cầu ông Lâm Thành Đ trả lại giá trị quyền sử dụng đất thửa đất số 452, diện tích thực tế 580,8m², tương đương với số tiền là 60.636.000 đồng (Sáu mươi triệu sáu trăm ba mươi sáu nghìn đồng) và trả lại thửa đất số 461, diện tích thực tế 4.632,7m²; đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S, do ông Lâm Thành Đ đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất B 634342, Ủy ban nhân dân huyện Mỹ Tú cấp ngày 17 tháng 9 năm 1998. Phần đất có tứ cận như sau:

* Thửa đất số 452, tờ bản đồ số 11, diện tích thực tế 580,8m²:

- Hướng Đông giáp Kênh xóm tiệm có số đo 21,5m;
- Hướng Tây giáp đất ông Tô Văn Tr có số đo 11,7m;
- Hướng Nam giáp đất ông Tô Văn Tr có số đo 28,3m + 3,5m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Nguyễn Văn D có số đo 33,3m + 4m.

* Thửa đất số 461, tờ bản đồ số 11, diện tích thực tế 4.632,7m²:

- Hướng Đông giáp đất ông Tô Văn Tr có số đo 47,1m;
- Hướng Tây giáp đất ông Tô Phú T có số đo 43,7m;
- Hướng Nam giáp đất ông Chín T có số đo 104m;
- Hướng Bắc giáp đất ông Tô Văn Tr có số đo 100,5m.

(có sơ đồ kèm theo)

2.2/ Yêu cầu hủy một phần giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số B 634342, do Ủy ban nhân dân huyện M, tỉnh Sóc Trăng cấp cho ông Lâm Thành Đ vào ngày 17 tháng 9 năm 1998, phần liên quan đến hai thửa đất số 452 và thửa đất số 461, đều thuộc tờ bản đồ số 11, tọa lạc ấp P, xã M, huyện M, tỉnh S.

3/- Các phần khác được nêu trong phần quyết định của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực thi hành kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị theo quy định của pháp luật.

4/- Án phí dân sự phúc thẩm: Nguyên đơn Nguyễn Thị H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) nhưng được miễn nộp toàn bộ. Hoàn trả cho bà Nguyễn Thị H số tiền tạm ứng đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0007300 ngày 06/11/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Mỹ Tú, tỉnh Sóc Trăng.

5/- Bản án này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng;
- TAND huyện Mỹ Tú;
- Chi cục THADS huyện Mỹ Tú;
- Các đương sự;
- Lưu: TDS-HSVA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga